

# Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

*Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005*

(bản tóm tắt)

# Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại Hợp nhất	5
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ Hợp nhất	7

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**  
**cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất có liên quan và các thuyết minh đi kèm (“báo cáo tài chính hợp nhất”) cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 54. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2005 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

*Đã ký*

---

Trần Đình Cường  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0135/KTV  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 5 tháng 4 năm 2006

*Đã ký*

---

Võ Tấn Hoàng Văn  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0264/KTV

# Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31/12/năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	8	1.184.082	1.126.488
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)	9	4.576.418	4.752.364
Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác	10	806.528	926.021
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	11	16.841.762	14.212.413
Đầu tư vào chứng khoán	12	11.951.016	9.312.158
Cho vay và tạm ứng khách hàng	13	85.434.376	72.430.175
Dự phòng rủi ro tín dụng	14	(2.717.828)	(2.212.378)
Đầu tư góp vốn, liên kết liên doanh mua cổ phần	15	518.567	356.821
Tài sản cố định hữu hình	16	638.750	504.349
Tài sản cố định vô hình	16	189.353	82.684
Xây dựng cơ bản dở dang		213.012	180.333
Lãi dự thu		1.376.115	663.956
Các tài sản khác		391.176	380.565
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>121.403.327</b>	<b>102.715.949</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Tiền gửi thanh toán của KBNN và các TCTD khác	17	6.225.054	5.091.462
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ Bộ Tài chính và NHNN	18	8.752.256	12.903.329
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các TCTD khác	19	1.759.969	1.772.021
Các nguồn vốn vay khác	20	8.142.448	7.165.584
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	21	87.025.709	67.262.449
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22	18.661	93.655
Lãi dự chi		1.751.282	1.285.608
Các công nợ khác	23	1.197.087	959.701
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>114.872.466</b>	<b>96.533.809</b>
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn điều lệ	24	3.970.997	3.866.492
Vốn khác	24	741.985	568.805
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	25	50.859	48.332
Các quỹ dự trữ	25	1.652.057	1.468.904
Lợi nhuận để lại		114.963	229.607
<b>TỔNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.530.861</b>	<b>6.182.140</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>121.403.327</b>	<b>102.715.949</b>
<b>CÁC KHOẢN MỤC GHI NHỚ</b>	32	<b>23.026.692</b>	<b>16.273.222</b>

*Đã ký*

*Đã ký*

Ông Trần Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám Đốc

Bà Ngô Thị Át  
Kế toán trưởng

(Theo Ủy quyền số 1609/QĐ-TC2  
ngày 5 tháng 4 năm 2006 của Tổng Giám Đốc)

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2006

# Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31/12/năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
<b>THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản tương đương	26	7.608.382	5.760.703
Chi phí lãi và các khoản tương đương	27	<u>(4.679.014)</u>	<u>(3.846.763)</u>
<b>THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG THUẦN</b>		<b>2.929.368</b>	<b>1.913.940</b>
Thu phí dịch vụ	28	300.927	223.370
Chi phí dịch vụ	28	(54.329)	(42.719)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng		44.224	57.481
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		499	11.635
Lãi thuần từ đầu tư vào chứng khoán		599.579	540.870
Lãi thuần từ đầu tư góp vốn, liên kết liên doanh mua cổ phần	29	24.526	45.260
Thu nhập hoạt động khác		<u>253.549</u>	<u>34.172</u>
<b>TỔNG THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>4.098.343</b>	<b>2.784.009</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
Lương và các chi phí nhân viên khác		(530.649)	(328.214)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	16	(161.196)	(99.713)
Chi phí hoạt động khác	30	<u>(633.932)</u>	<u>(422.877)</u>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>(1.325.777)</b>	<b>(850.804)</b>
<b>THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUẦN</b>		<b>2.772.566</b>	<b>1.933.205</b>
Dự phòng rủi ro tín dụng	14	(2.080.537)	(1.121.673)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	14	<u>48.850</u>	<u>-</u>
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>740.879</b>	<b>811.532</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22	<u>(180.886)</u>	<u>(201.359)</u>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b><u>559.993</u></b>	<b><u>610.173</u></b>



## Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT  
Cho năm kết thúc ngày 31/12/năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM		229.607	145.524
Lợi nhuận thuần trong năm		<u>559.993</u>	<u>610.173</u>
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		789.600	755.697
<i>Trừ:</i>			
- Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước	25	(148.274)	(125.396)
- Bổ sung quỹ lương theo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước theo quy định của Nhà nước		(71.529)	(54.805)
- Tạm trích các quỹ trong năm	25	(398.358)	(209.458)
- Trích thu sử dụng vốn trong năm	22	(77.047)	(72.547)
- Điều chỉnh thu sử dụng vốn các năm trước		1.122	(3.227)
- Các khoản khác		<u>19.449</u>	<u>(60.657)</u>
<b>LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM</b>		<b><u>114.963</u></b>	<b><u>229.607</u></b>

*Đã ký*

Ông Trần Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám Đốc

*(Theo Ủy quyền số 1609/QĐ-TC2  
ngày 5 tháng 4 năm 2006 của Tổng Giám Đốc)*

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 5 tháng 4 năm 2006

*Đã ký*

Bà Ngô Thị Át  
Kế toán trưởng

# Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31/12/năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận thuần trước thuế		740.879	811.532
Điều chỉnh cho các khoản mục phi tiền tệ trong lợi nhuận trước thuế:			
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Lãi)/Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	16	161.196 (517)	99.713 -
Dự phòng rủi ro tín dụng	14	2.080.537	1.121.673
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	14	(48.850)	-
Cổ tức nhận được trong năm	29	(16.935)	(10.941)
Lãi thuần từ đầu tư góp vốn, liên kết liên doanh mua cổ phần (Lãi)/Lỗ từ thanh lý các khoản góp vốn mua cổ phần	29	(7.591) (40)	(34.319) -
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động thuần		<u>2.908.679</u>	<u>1.987.658</u>
(Tăng)/Giảm tài sản lưu động:			
Tiền gửi tại NHNN		150.000	431.860
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác		(5.876.844)	2.779.496
Đầu tư vào chứng khoán		(2.638.858)	(926.399)
Cho vay và tạm ứng khách hàng		(13.395.619)	(8.671.716)
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ trong năm	14	(1.526.237)	(1.305.768)
Lãi dự thu		(733.102)	(231.419)
Các tài sản khác		(156.826)	97.878
Tăng/(Giảm) nợ ngắn hạn:			
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ BTC và NHNN		(4.284.785)	5.023.120
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các TCTD khác		(379.362)	368.995
Các nguồn vốn vay khác		976.864	(1.143.097)
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng		19.763.260	7.756.221
Lãi dự chi		465.674	348.327
Các công nợ khác		55.964	(338.069)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	22	(4.671.192) (229.662)	6.177.087 (144.600)
<b>Tiền thuần thu/(sử dụng) trong hoạt động kinh doanh</b>		<u><b>(4.900.854)</b></u>	<u><b>6.032.487</b></u>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang		(386.209)	(357.268)
Thu từ thanh lý tài sản cố định		9.443	55.904
Đầu tư bổ sung góp vốn, liên kết liên doanh mua cổ phần		(93.447)	(30.816)
Thu từ thanh lý khoản góp vốn, liên kết liên doanh mua cổ phần		305	-
Cổ tức nhận được trong năm	29	16.935	10.941
<b>Tiền thuần thu/(sử dụng) trong hoạt động đầu tư</b>		<u><b>(452.973)</b></u>	<u><b>(321.239)</b></u>

# Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31/12/năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tăng vốn điều lệ trong năm		44.550	-
Sử dụng các quỹ		(93.072)	(28.469)
Các khoản khác		(4.122)	(16.920)
		<u>(52.644)</u>	<u>(45.389)</u>
<b>Tiền thuần thu/ (sử dụng) trong hoạt động tài chính</b>		<b>(5.406.471)</b>	<b>5.665.859</b>
<b>Thay đổi thuần của tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>(5.406.471)</b>	<b>5.665.859</b>
<b>Số dư đầu năm của tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31</b>	<b>8.897.838</b>	<b>3.231.979</b>
<b>Số dư cuối năm của tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31</b>	<b>3.491.367</b>	<b>8.897.838</b>

### *Các giao dịch phi tiền tệ:*

Trong năm 2005, vốn điều lệ của Ngân hàng tăng 15.405 triệu đồng Việt Nam do giảm trừ tiền gửi có kỳ hạn của Bộ Tài chính tại Ngân hàng. Trong năm 2004, vốn điều lệ của Ngân hàng tăng 120.192 triệu đồng Việt Nam do giảm trừ tiền gửi có kỳ hạn của Bộ Tài chính tại Ngân hàng (xem Thuyết minh số 24).

*Đã ký*

Ông Trần Anh Tuấn

Phó Tổng Giám Đốc

*(Theo Ủy quyền số 1609/QĐ-TC2*

*ngày 5 tháng 4 năm 2006 của Tổng Giám Đốc)*

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2006

*Đã ký*

Bà Ngô Thị Át

Kế toán trưởng



## TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO CUỐI NĂM

	<i>2005</i>	<i>2004</i>
	<i>đồng</i>	<i>đồng</i>
USD	15.872	15.739
EUR	18.700	21.354
GBP	27.227	30.122
CHF	11.989	13.802
JPY	134	152
SGD	9.483	9.577
CAD	13.569	13.017
AUD	11.570	12.199

*Đã ký*

---

Ông Trần Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám Đốc

*(Theo Ủy quyền số 1609/QĐ-TC2  
ngày 5 tháng 4 năm 2006 của Tổng Giám Đốc)*

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 5 tháng 4 năm 2006

*Đã ký*

---

Bà Ngô Thị Át  
Kế toán trưởng